

thực cho thành thị, hệ thống cung cấp tín dụng và hàng hoá cho nông thôn: chuyên những cơ sở sản xuất thích hợp từ nội thành ra ngoại thành, tạo ra những cụm kinh tế vệ tinh của các thành thị. Mặt khác hình thành hệ thống dịch vụ con thoi giữa nội - ngoại thành để giải quyết việc làm cho lao động thành thị.

Sử dụng hợp lý lao động ngoại tỉnh di chuyển vào các thành phố. Muốn vậy, trước hết phải theo dõi kịp thời và thống kê chính xác số lượng và nghề nghiệp của dân di cư vào thành phố, trên cơ sở đó tổ chức tuyển chọn những người lao động có tay nghề cao mà thành thị cần, phối hợp với các địa phương để đào tạo lại tay nghề cho người lao động để đưa họ vào làm việc ở những khu công nghệ cao.

2.8. Phương hướng giải quyết việc làm ở nông thôn

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm dần lao động thuần nông, giải phóng đất đai, khắc phục tình trạng diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người quá thấp như hiện nay.

Đa dạng hoá ngành nghề, thực hiện nguyên tắc người nào giỏi việc gì thì làm việc ấy, trên cơ sở giao đất ổn định cho các hộ gia đình; đồng thời, thông qua cơ chế chính sách và biện pháp để từng bước tập trung ruộng đất vào các hộ gia đình có khả năng về sản xuất, kinh doanh nông sản hàng hoá. Đa dạng hoá việc làm và đa dạng hoá thu nhập cần trở thành hình thức phổ biến ở nông thôn, đặc biệt chú trọng phát triển mạnh mẽ việc làm phi nông nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn.

b) Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác xã kiểu mới, trên nguyên tắc hoàn toàn tự nguyện và cùng có lợi ở quy mô thích hợp (hợp tác xã liên gia đình, hợp tác nhóm hộ...). Đồng thời, có chính sách và cơ chế khuyến khích những người có vốn và kỹ thuật mở

mang hình thức kinh doanh theo lối nông trại ở các tỉnh miền Trung, miền Tây Nguyên và Đông Nam bộ. Đây là hình thức tổ chức lao động, giải quyết việc làm có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.

c) Phát triển mạnh mẽ các ngành nghề phi nông nghiệp, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn, nhưng cần ít vốn và hướng về làm hàng xuất khẩu, như công nghiệp gia đình và xí nghiệp nhỏ ở nông thôn; khôi phục các ngành nghề truyền thống có giá trị cao, các làng nghề gắn liền với đô thị hoá nông thôn, hình thành các thị trấn, thị tứ trên các trục đường giao thông.

Nhà nước cần có chính sách và cơ chế khuyến khích các hoạt động phi nông nghiệp, nhất là các hoạt động phi kết cấu ở nông thôn, để giải quyết từng bước tình trạng thiếu việc làm và việc làm có thu nhập thấp ở nông thôn hiện nay, hạn chế việc di chuyển quá mức lao động nông thôn vào thành thị, gây khó khăn cho thành thị trong quản lý lao động và quản lý xã hội.

d) Hướng vào các vùng có khả năng thu hút được nhiều lao động, cần khai thác thêm và sử dụng có hiệu quả 3 triệu ha đất trống, đồi trọc, khai thác các vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên... Thực hiện các dự án lấn biển, khai thác kinh tế biển, các hải đảo.

Việc thực hiện phương hướng này cần kết hợp với các dự án di dân, xây dựng các vùng kinh tế - xã hội dân cư mới để phân bố lại lao động giữa các vùng lãnh thổ và làm giảm sức ép về việc làm.

Để giải quyết việc làm ở nông thôn theo phương hướng nói trên, một vấn đề cực kì quan trọng là phải tạo ra một thị trường vốn đa dạng trong nông thôn dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở đây, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ trực tiếp về vốn của Nhà nước, của các tổ chức quốc tế phi Chính phủ, của cộng đồng. Bên cạnh hệ thống ngân hàng, Nhà nước cần xây dựng hệ thống tín dụng cho người nghèo, khôi phục và

phát triển hợp tác xã tín dụng, tổ chức thủ ngân hàng cổ phần trong nông thôn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Nguồn nhân lực và chính sách quản lý nguồn nhân lực.
2. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực những năm qua ở nước ta.
3. Quan niệm về việc làm và tình hình giải quyết việc làm ở nước ta trong những năm qua.
4. Khái niệm, vai trò và vị trí của chính sách việc làm.
5. Mục tiêu và phương hướng giải quyết việc làm.

Chương XI

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I- GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN

1. Khái niệm giáo dục và đào tạo

Một cách khái quát nhất có thể hiểu giáo dục là một quá trình bao gồm tất cả các hoạt động hướng vào sự phát triển và rèn luyện năng lực (tri thức, kỹ năng, kỹ xảo) và phẩm chất (niềm tin, đạo đức, thái độ...) ở con người để có thể phát triển nhân cách đầy đủ và trở nên có giá trị tích cực đối với xã hội.

Định nghĩa hẹp hơn: Giáo dục là một quá trình được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch nhằm truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội của loài người

Ở khái niệm đầu ta thấy, ở đâu có sự truyền đạt và lĩnh hội tri thức, sự tác động qua lại để hình thành phẩm chất con người thì ở đó có giáo dục. Khái niệm sau nhấn mạnh tới tính mục đích và tính kế hoạch của quá trình truyền đạt và lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội. Vì vậy, khái niệm giáo dục ở trường hợp thứ hai thường gắn với nhà trường, vì nhà trường là nơi tổ chức giáo dục một cách có hệ thống và có kế hoạch chặt chẽ nhất. Tuy nhiên, giáo dục còn được tiến hành ở ngoài nhà trường do các tổ chức và các cơ sở xã hội khác thực hiện như các tổ chức sản xuất, kinh doanh, các tôn giáo, các đoàn thể xã hội, các cụm dân cư...

- Khái niệm giáo dục được dùng trong giáo trình là khái niệm theo nghĩa hẹp.

- Người ta thường phân chia giáo dục thành hai loại: chính quy và không chính quy. Giáo dục chính quy là những lớp học theo một chương trình đã được Nhà nước chuẩn hoá. Giáo dục không chính quy là những lớp học có chương trình tuỳ thuộc vào mục đích và yêu cầu người học.

- Cùng với khái niệm giáo dục, người ta còn dùng khái niệm đào tạo. Đào tạo là quá trình phát triển có hệ thống các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ, tư cách... đòi hỏi ở một cá nhân để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nhất định. Như vậy, đào tạo được hiểu là một dạng đặc thù của giáo dục, trong đó nó hướng về giáo dục chuyên môn nghề nghiệp.

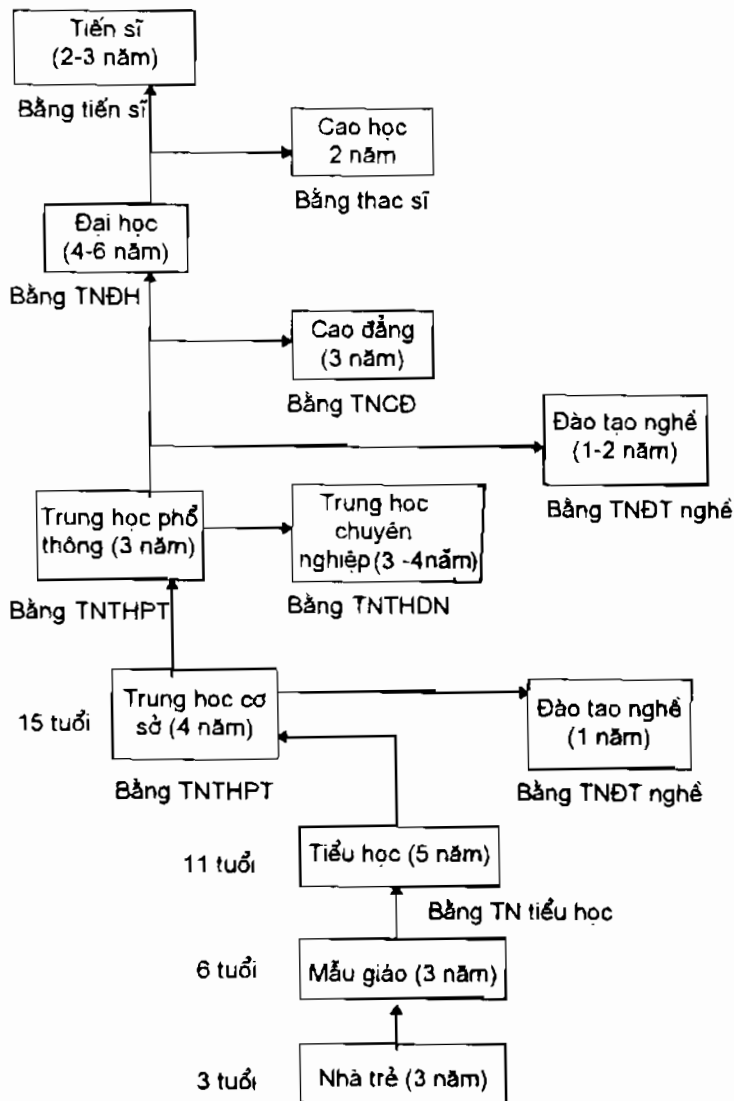
Là một dạng đặc thù của giáo dục nên quá trình đào tạo cũng tuân theo những quy luật chung của giáo dục. Tuy nhiên, do những đặc điểm riêng của nó (về mục tiêu, về đối tượng và về phương pháp) nên trong thực tế giáo dục người ta vẫn thường tách riêng giáo dục và đào tạo.

2. Hệ thống giáo dục quốc dân (Xem sơ đồ 10.1)

Là một hệ thống con trong hệ thống xã hội nói chung, hệ thống giáo dục quốc dân của mỗi quốc gia phải được tổ chức nhằm đáp ứng những mục tiêu và quan điểm về giáo dục của chính phủ trong mỗi thời kì lịch sử. Ở nước ta, để đáp ứng yêu cầu về giáo dục - đào tạo trong thời kì đổi mới đất nước, hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức theo Luật giáo dục quy định tại điều 6 như sau:

2.1 Giáo dục mầm non, bao gồm: nhà trẻ và mẫu giáo

2.2 Giáo dục phổ thông, bao gồm hai bậc học : bậc tiểu học và bậc trung học. Bậc trung học có hai cấp học là cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.



Sơ đồ 10.1. Hệ thống giáo dục quốc dân

2.3. Giáo dục nghề nghiệp, có trung học chuyên nghiệp và chuyên nghiệp dạy nghề.

2.4. Giáo dục đại học. Cũng theo Luật giáo dục tại các điều 22, điều 28, điều 34, giáo dục đại học đào tạo hai trình độ là trình độ cao đẳng và trình độ đại học; giáo dục sau đại học đào tạo hai trình độ là trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

Phương thức giáo dục gồm giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy (xem Luật giáo dục, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội-1998, trang 10).

3. Quá trình phát triển giáo dục - đào tạo ở nước ta

Ngay từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (2-9-1945). Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến giáo dục, luôn coi giáo dục là một công cụ quan trọng trong tiến trình bảo vệ và xây dựng đất nước.

Kể từ năm 1945 đến nay, nền giáo dục mới ở nước ta đã có ba cuộc cải cách giáo dục.

3.1. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất - 1950

Tháng 7 - 1950, bản đề án cải cách giáo dục đã được Hội đồng Chính phủ thông qua. với mục tiêu tổng quát là xây dựng một nền giáo dục dân chủ nhân dân. Bản đề án đã nêu rõ: Nền giáo dục mới phải là nền giáo dục của dân, do dân và vì dân, được thiết kế trên nguyên tắc là “Dân tộc, khoa học, đại chúng”. Mục tiêu của hệ thống giáo dục là giáo dục thế hệ trẻ thành những người công dân trung thành với chế độ dân chủ nhân dân. có phẩm chất, nghị lực phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Phương châm giáo dục là: Học đi đôi với hành, gắn việc học tập ở nhà trường với công cuộc giải phóng đất nước. Cơ cấu nhà trường cải cách gồm có hệ thống phổ thông 9 năm

và hệ thống giáo dục bình dân, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục cao đẳng và đại học.

Trong cải cách lần này đã thực hiện dạy Tiếng Việt ở bậc đại học, hoàn tất việc đưa Tiếng Việt vào dạy ở nhà trường vốn đã được triển khai sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945.

3.2. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai - 1956

Sau ngày giải phóng (1954), miền Bắc có hai hệ thống giáo dục phổ thông cùng tồn tại: hệ thống giáo dục 9 năm (ở vùng kháng chiến do ta xây dựng) và hệ thống giáo dục 12 năm (ở vùng mới giải phóng do Pháp để lại). Tình hình đó đòi hỏi phải chấn chỉnh và củng cố giáo dục phổ thông. Mặt khác, đất nước lúc này tạm chia làm hai miền, nền giáo dục vừa phải phục vụ cho công cuộc xây dựng miền Bắc, vừa phải phục vụ nhiệm vụ đấu tranh chống Mỹ - Ngụy, thực hiện thống nhất đất nước. Vì vậy, tháng 3 - 1956, Chính phủ đã thông qua để án cải cách giáo dục lần thứ hai.

Mục tiêu của cải cách giáo dục lần này là: đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người phát triển về mọi mặt, những công dân tốt, trung thành với tổ quốc; những người lao động tốt, cán bộ tốt của nước nhà, có tài, có đức để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng CNXH ở nước ta, đồng thời để thực hiện thống nhất nước nhà. Phương châm giáo dục là liên hệ lý luận với thực tiễn, gắn chặt nhà trường với đời sống xã hội. Nội dung giáo dục có tính chất toàn diện gồm bốn mặt: đức, trí, thể, mỹ, trong đó trí dục là cơ sở, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng và giáo dục đạo đức. Trong phương pháp giáo dục thực hành, đưa tri thức vào cuộc sống. Về hệ thống giáo dục, hình thành hệ giáo dục phổ thông 10 năm (gồm 3 cấp: cấp một - từ lớp 1 đến lớp 4; cấp hai - từ lớp 5 đến lớp 7 và cấp ba - từ lớp 8 đến lớp 10); giáo dục đào tạo và chuyên nghiệp.

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai là một bước tiến cơ bản trong sự nghiệp xây dựng nền giáo dục XHCN.

Sau ngày 5 - 8 - 1964. Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, để vừa phát triển giáo dục vừa tăng cường lực lượng quốc phòng nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, ngày 5 - 8 - 1965 Thủ tướng Chính Phủ đã có chỉ thị chuyển hướng công tác giáo dục cho thích hợp với điều kiện thời chiến. Phương hướng chính của việc chuyển hướng này là tiếp tục phát triển giáo dục một cách mạnh mẽ, đảm bảo an toàn cho học sinh trong học tập, gắn chặt hơn nữa hoạt động của nhà trường với đời sống sản xuất và chiến đấu.

Trong điều kiện chiến tranh đang tiếp diễn ác liệt nhưng ngày 28 - 6 - 1966 Bộ Chính trị Đảng ta đã ra Nghị quyết số 142/NQ-TW về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế. Đây là văn kiện chuyên đề đầu tiên của Đảng nói về công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chuyên môn. Nghị quyết đã chỉ rõ trước tình hình mới, việc đào tạo cán bộ chuyên môn không những không được giảm nhẹ mà cần đẩy mạnh hơn, kể cả cử người đi học nước ngoài để đáp ứng nhu cầu của cả nước trước mắt và lâu dài.

Ở miền Nam Việt Nam, từ năm 1954 - 1975, vùng giải phóng trong điều kiện chiến tranh ác liệt nhưng nền giáo dục Cách mạng vẫn được duy trì và phát triển tuy có trải qua nhiều thăng trầm.

3.3. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba - 1979

3.3.1. Với nhận thức giáo dục là “nền tảng văn hoá của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc, nó đặt những cơ sở ban đầu rất trọng yếu cho sự phát triển con người Việt Nam XHCN”¹¹⁾, ngày 11 - 1 - 1979, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 14-NQ/TW về cải cách giáo dục, trong điều kiện đất nước đã thống

¹¹⁾ Báo cáo chính trị đại hội lần thứ IV - Đảng Cộng sản Việt Nam.

nhất, cùng đi lên XHCN. Đây là cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba.

Những nội dung và mục tiêu cơ bản của cuộc cải cách giáo dục lần này là:

- Coi giáo dục là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng, văn hoá, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật. Giáo dục là nhân tố có tính quyết định trong việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và đội ngũ lao động mới có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, sức khoẻ...

- Thực thi nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ từ nhỏ đến lúc trưởng thành, từng bước thu hút tất cả trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ và mẫu giáo, phấn đấu cho thế hệ trẻ đến tuổi trưởng thành được học đầy đủ đến bậc phổ thông trung học.

- Thực hiện tốt hơn nguyên lý giáo dục: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.

- Cải cách cả cơ cấu hệ thống giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục. Hệ thống giáo dục quốc dân được xác định bao gồm từ mầm non đến sau đại học. Bậc giáo dục phổ thông được thiết kế là 12 năm.

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba được triển khai thực hiện từ năm 1979. Nhưng do những khó khăn về kinh tế-xã hội ở những năm 1980, ngành giáo dục và đào tạo đã lâm vào tình trạng yếu kém về nhiều mặt và do đó đã phải có những điều chỉnh.

Tháng 1 năm 1993 hội nghị lần thứ tư của ban chấp hành trung ương Đảng (khoá VII) đã đề ra nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo". Hội nghị này đã đề ra bốn quan điểm và 12 chủ trương chính sách. Những quan điểm đó là

Giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được xem là